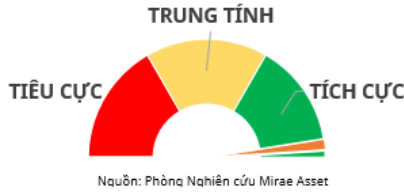


05 Tháng 04, 2023

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



# Bản tin cuối ngày

## Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: [cs@miraeasset.com.vn](mailto:cs@miraeasset.com.vn)

### Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN INDEX	1,080.86	0.2	5.5	-28.9
HNX	212.58	0.9	3.8	-53.4
UPCOM	77.74	0.2	2.6	-34.0
MSCI EM	987.62	-0.2	0.0	-14.6
NIKKEI	27,813.26	-1.7	-0.4	0.1
HANG SENG	20,274.59	-0.7	-1.4	-9.9
KOSPI	2,495.21	0.6	2.6	-9.6
FTSE	7,653.86	0.3	-3.7	0.5
S&P 500	4,100.60	-0.6	1.4	-9.4
NASDAQ	12,126.33	-0.5	3.7	-14.6

### Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Việt Nam	14.2	1.7	13.8
Indonesia	N/A	2.0	12.5
Philippines	14.7	1.5	10.0
Malaysia	15.1	1.4	10.4
Thái Lan	19.4	1.6	8.3

### Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Tái cấp vốn	5.5	0	-50	150
TPCP 5 năm	2.8	-4	-104	92
TPCP 10 năm	3.3	1	-109	90

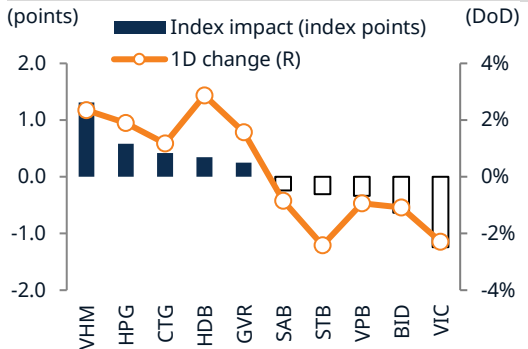
### Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,467	0.0	-1.0	2.6
US\$/KRW	1,310.8	-0.4	1.1	7.5
US\$/JPY	131.4	-0.3	-3.4	6.3
US\$/EUR	0.91	0.0	-2.4	-0.4
US\$/GBP	0.80	0.1	-3.7	4.7
US\$/SGD	1.33	0.0	-1.5	-2.5

### Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 6 tháng
VN-INDEX	523	374	404
HNX	55	38	41
UPCOM	21	13	16

### Các cổ phiếu tác động VN-Index



### Nhận định thị trường

#### VN-Index lấy lại sắc xanh

Diễn biến giằng co chiếm xu hướng chính trong suốt thời gian giao dịch của VN-Index khi sắc đỏ và xanh liên tục thay thế vị trí cho nhau. Thế nhưng, lực cầu mạnh đã giúp cho VN-Index đóng cửa cao nhất trong ngày, và cũng là cao nhất trong 1 tháng trở lại đây tại 1,080 điểm tương ứng mức tăng 2,4 điểm (+0,22%). Thanh khoản ở mức cân bằng với phiên trước đó và vẫn duy trì cao hơn trung bình 20 ngày, đạt 706 triệu đơn vị khớp lệnh tương ứng với hơn 11,435 tỷ đồng về giá trị.

Nhóm chứng khoán tiếp tục thu hút tốt dòng tiền, nhưng có sự phân hóa ở một số mã khi APS, ORS và TVB đóng cửa ở mức trần, còn BVS, MBS và VCI đóng cửa trong sắc đỏ. Ngoài ra, nhóm ngân hàng cũng có sự hồi phục khi HDB (+2,9%); CTG (+1,2%) và ACB (+0.6%) phần nào đã thu hẹp đà giảm. Nhóm cổ phiếu BĐS cũng đóng góp phần nào khi DXG (+2,2%), HQC (+5,8%).

Khối ngoại chuyển trạng thái sang mua ròng với tổng giá trị đạt hơn 195 tỷ trên cả 2 sàn HNX và HSX. Trong đó, HPG và VHM được nhóm này mua mạnh nhất với tổng giá trị đạt 73 tỷ và 31 tỷ. Ngược lại, STB và VNM bị bán ròng với 27 tỷ và 23 tỷ.

Đóng cửa ở mức cao nhất trong 1 tháng đã giúp cho điểm số đánh giá kỹ thuật của VN-Index lên mức cao nhất +7 điểm với trạng thái đánh giá là KHẢ QUAN. Hệ số P/E của VN-Index hiện tại ở mức 14,2

**Trương Hoàng Tiến Hưng** Analyst, 84-8-39102222, hung.tht@miraeasset.com.vn

### Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Mã	Điểm kỹ thuật	Xu hướng ngắn hạn
VNINDEX	7	KHẢ QUAN
VN30	7	KHẢ QUAN
VN30F1M	7	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	5	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	3	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	7	KHẢ QUAN
Kospi	7	KHẢ QUAN
Nikkei 225	2	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	6	KHẢ QUAN
Dow Jones	6	KHẢ QUAN

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

## Bản tin thị trường **Phân tích kỹ thuật**

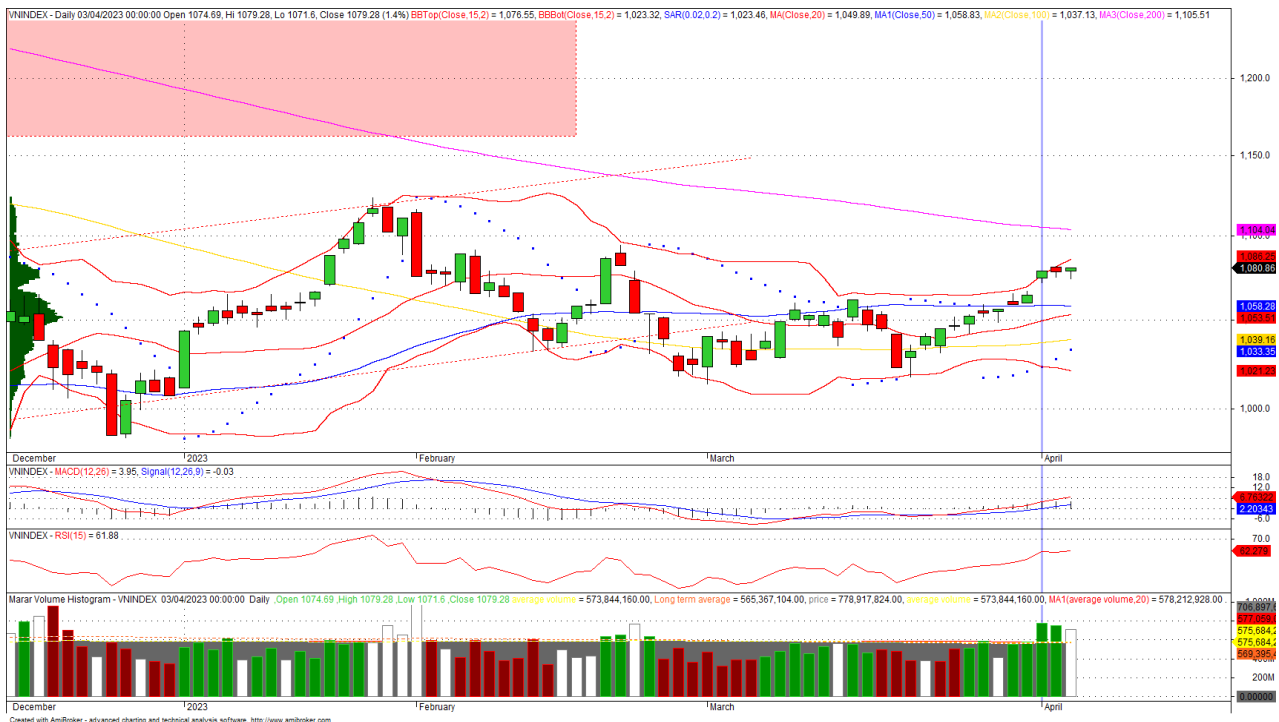
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	7	<b>KHẢ QUAN</b>
VN30	7	<b>KHẢ QUAN</b>
VN30F1M	7	<b>KHẢ QUAN</b>
VN DIAMOND	5	<b>KHẢ QUAN</b>
VN FIN SELECT	3	TRUNG TÍNH

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIẾU CỤC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (05/04/2023)	Kháng cự 1	<b>1.080</b>
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Kháng cự 2	<b>1.100</b>
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	<b>1.050</b>
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	<b>1.030</b>

VN-Index đóng cửa tại ngưỡng kháng cự trong ngắn hạn, tuy nhiên thanh khoản phần nào cũng đang hỗ trợ tốt để có thể kỳ vọng sẽ sớm vượt qua ngưỡng này.

### Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: [fireant.com](http://fireant.com)

## CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (05/04/2023)	1.084	Kháng cự 1 <b>1.100</b>
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	<b>KHẢ QUAN</b>	Kháng cự 2 <b>1.130</b>
VN30 - đóng cửa	1.089	Hỗ trợ 1 <b>1.050</b>
Chênh lệch <b>VN30F1M &amp; VN30</b>	<b>-5.7</b>	Hỗ trợ 2 <b>1.030</b>

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	<b>5</b>	<b>KHẢ QUAN</b>
VN30F1M (chart 60 phút)	<b>5</b>	<b>KHẢ QUAN</b>
VN30F1M	<b>7</b>	<b>KHẢ QUAN</b>

VN30F1M đang có xu hướng kiểm định vùng kháng cự trong ngắn hạn

### Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: fireant.vn

## TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
GIL	Dệt may	21,300	391,480	100	5	Top sức mạnh ngành
MBS	Chứng khoán	16,800	2,980,715	97	6	Top sức mạnh ngành
HDB	Ngân hàng	19,700	2,717,625	97	7	
SHS	Chứng khoán	9,700	16,555,650	91	7	Top sức mạnh ngành
IJC	Bất động sản	14,200	2,824,505	89	7	
HAH	Kho bãi, hậu cần	37,450	1,023,670	88	7	
PHR	Nhựa, cao su & sợi	42,500	415,685	84	7	Top sức mạnh ngành
GVR	Nhựa, cao su & sợi	16,200	2,321,325	83	7	Top sức mạnh ngành
CTD	Xây dựng	47,500	529,220	82	7	
SZC	Bất động sản	31,500	905,320	82	5	
HDC	Bất động sản	33,500	974,315	81	5	
FTS	Chứng khoán	26,800	2,323,340	80	6	Top sức mạnh ngành
HCM	Chứng khoán	26,750	6,142,910	80	7	Top sức mạnh ngành
SHB	Ngân hàng	11,550	23,615,430	77	7	
TCB	Ngân hàng	29,500	3,970,120	76	6	
HAX	Phân phối ô tô	17,800	282,500	71	4	

(\*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(\*\*) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

## ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
HPG	21.5	21,494,060	7	KHẢ QUAN	125,018	14.7	1.3	462
SHB	11.55	23,615,430	7	KHẢ QUAN	35,423	4.6	0.8	273
CEO	24.5	6,851,750	7	KHẢ QUAN	6,305	22.7	1.9	168
MBB	18.8	8,903,490	7	KHẢ QUAN	85,239	4.9	1.1	167
HCM	26.75	6,142,910	7	KHẢ QUAN	12,230	14.3	1.5	164
SHS	9.7	16,555,650	7	KHẢ QUAN	7,888	40.2	0.8	161
VCG	21.05	7,278,120	7	KHẢ QUAN	10,228	8.7	1.5	153
ACB	25.3	4,580,780	7	KHẢ QUAN	85,449	6.2	1.5	116
IDC	41.9	2,723,725	7	KHẢ QUAN	13,827	6.1	2.6	114
KBC	26.2	4,128,410	7	KHẢ QUAN	20,111	13.1	1.3	108
BSR	16.6	6,148,095	7	KHẢ QUAN	51,468	3.5	1.0	102
PVD	21.4	3,653,555	7	KHẢ QUAN	11,896	#N/A N/A	0.9	78
CII	15.7	4,338,600	7	KHẢ QUAN	3,960	5.2	0.7	68
HQC	4.41	13,848,435	7	KHẢ QUAN	2,102	116.4	0.5	61
CTG	30	2,022,345	7	KHẢ QUAN	144,173	8.6	1.3	61
HDB	19.7	2,717,625	7	KHẢ QUAN	49,551	6.4	1.3	54
PLX	38.05	1,400,105	7	KHẢ QUAN	48,346	32.9	2.0	53
SCR	7.47	5,572,565	7	KHẢ QUAN	2,956	58.9	0.6	42
IJC	14.2	2,824,505	7	KHẢ QUAN	3,576	7.4	0.9	40

HAH	37.45	1,023,670	7	KHẢ QUAN	2,634	3.7	1.1	38
GVR	16.2	2,321,325	7	KHẢ QUAN	64,800	16.9	1.3	38
TCH	7.71	4,340,935	7	KHẢ QUAN	5,152	28.8	0.6	33
SBT	15.15	2,118,485	7	KHẢ QUAN	10,199	15.7	1.1	32
ORS	11.95	2,657,245	7	KHẢ QUAN	2,390	17.6	1.0	32
HUT	16.6	1,844,635	7	KHẢ QUAN	5,787	40.0	1.5	31
PAN	17.4	1,535,705	7	KHẢ QUAN	3,635	9.7	0.8	27
PVC	15.8	1,634,690	7	KHẢ QUAN	790	89.8	1.1	26
CTD	47.5	529,220	7	KHẢ QUAN	3,508	169.1	0.4	25
IDJ	10.7	2,026,545	7	KHẢ QUAN	1,856	13.1	1.0	22
APS	12.7	1,640,050	7	KHẢ QUAN	1,054	#N/A N/A	1.1	21
DRH	5.6	3,451,450	7	KHẢ QUAN	693	46.8	0.4	19
SSI	22.5	20,659,244	6	KHẢ QUAN	33,731	15.5	1.5	465
VND	16.2	22,588,616	6	KHẢ QUAN	19,729	16.2	1.4	366
TCB	29.5	3,970,120	6	KHẢ QUAN	103,759	5.1	0.9	117
VIB	21.95	4,630,170	6	KHẢ QUAN	46,263	5.5	1.4	102
TPB	22.7	4,461,840	6	KHẢ QUAN	35,906	5.7	1.1	101
HHV	13.7	6,740,695	6	KHẢ QUAN	4,217	13.9	0.6	92
VCB	92.1	832,155	6	KHẢ QUAN	435,865	14.6	3.2	77
FTS	26.8	2,323,340	6	KHẢ QUAN	5,228	16.0	1.6	62
FPT	80.6	631,745	6	KHẢ QUAN	88,420	16.6	4.2	51
MBS	16.8	2,980,715	6	KHẢ QUAN	8,991	12.2	1.4	50
PVT	21.95	2,250,360	6	KHẢ QUAN	7,104	8.3	1.2	49
PC1	29.45	1,500,230	6	KHẢ QUAN	7,964	17.3	1.6	44
ANV	32.75	1,132,065	6	KHẢ QUAN	4,360	6.2	1.4	37
CTS	17.3	2,104,880	6	KHẢ QUAN	2,573	35.4	1.4	36
TNG	18	1,982,355	6	KHẢ QUAN	1,892	6.3	1.2	36
KDH	29	1,074,965	6	KHẢ QUAN	20,788	20.1	1.8	31
IDI	11.9	2,535,340	6	KHẢ QUAN	2,709	5.0	0.8	30
GMD	53.2	530,285	6	KHẢ QUAN	16,033	17.5	2.3	28
AAA	9.35	2,519,185	6	KHẢ QUAN	3,574	19.3	0.6	24
FCN	11.95	1,969,240	6	KHẢ QUAN	1,881	47.9	0.7	24
HSG	16.7	16,753,740	5	KHẢ QUAN	9,988	#N/A N/A	1.0	280
DXG	13.7	15,878,455	5	KHẢ QUAN	8,357	37.3	0.9	218
DIG	15.5	12,947,475	5	KHẢ QUAN	9,453	62.0	1.3	201
GEX	13.4	8,449,680	5	KHẢ QUAN	11,410	30.9	0.9	113
DGC	54.2	1,520,245	5	KHẢ QUAN	20,584	3.9	2.0	82
DCM	24.85	3,096,625	5	KHẢ QUAN	13,156	3.2	1.2	77
VIX	8.34	9,040,485	5	KHẢ QUAN	4,855	11.3	0.6	75
PDR	13.4	5,617,655	5	KHẢ QUAN	9,000	7.8	1.1	75
DPM	35.1	1,327,530	5	KHẢ QUAN	13,736	2.5	1.0	47
DBC	14.6	2,731,980	5	KHẢ QUAN	3,533	23.5	0.7	40
HDC	33.5	974,315	5	KHẢ QUAN	3,621	8.9	2.0	33
SZC	31.5	905,320	5	KHẢ QUAN	3,150	18.0	2.1	29
VGC	36.1	630,045	5	KHẢ QUAN	16,185	9.4	2.1	23
BSI	26	833,205	5	KHẢ QUAN	4,870	29.7	1.1	22
HDG	32.25	593,045	5	KHẢ QUAN	7,889	7.0	1.4	19
ASM	8.69	2,200,055	5	KHẢ QUAN	2,924	4.6	0.6	19

STB	26.25	22,485,996	4	KHẢ QUAN	49,487	9.8	1.3	590
VCI	33.1	7,422,410	4	KHẢ QUAN	14,415	16.5	2.2	246
NVL	12.85	15,883,220	4	KHẢ QUAN	25,059	11.0	0.7	204
LPB	15.55	10,929,560	4	KHẢ QUAN	26,888	5.3	1.1	170
PVS	26.4	4,791,300	4	KHẢ QUAN	12,618	14.3	1.0	126
MWG	39.75	1,965,450	4	KHẢ QUAN	58,169	14.0	2.4	78
DGW	32.7	1,669,850	4	KHẢ QUAN	5,463	7.7	2.2	55
HAG	7.56	7,010,375	4	KHẢ QUAN	7,011	6.0	1.4	53
TCM	50.1	420,535	4	KHẢ QUAN	4,106	17.3	2.1	21
NLG	29.6	1,689,250	3	TRUNG TÍNH	11,369	23.2	1.3	50
VPB	21.2	22,201,884	2	TRUNG TÍNH	142,320	7.8	1.5	471
VHM	52.2	2,501,160	2	TRUNG TÍNH	227,298	7.9	1.6	131
LCG	12.9	9,736,390	2	TRUNG TÍNH	2,446	13.0	1.0	126
POW	13.45	8,776,485	2	TRUNG TÍNH	31,498	15.3	1.0	118
FRT	64.6	918,545	2	TRUNG TÍNH	7,653	19.6	3.8	59
EIB	19.6	3,013,335	2	TRUNG TÍNH	28,916	9.8	1.4	59
PLC	33.7	734,615	2	TRUNG TÍNH	2,723	20.4	2.2	25
HT1	15.45	1,356,480	2	TRUNG TÍNH	5,896	22.9	1.2	21
CTF	35.35	549,445	2	TRUNG TÍNH	2,687	24.4	3.0	19
MSN	78.4	1,325,330	0	TRUNG TÍNH	111,620	31.2	4.3	104
KDC	60.4	1,701,110	0	TRUNG TÍNH	15,536	40.8	2.3	103
VIC	55.5	1,780,975	0	TRUNG TÍNH	211,673	23.4	1.9	99
VRE	29.45	3,271,335	0	TRUNG TÍNH	66,920	24.1	2.0	96
KSB	26.9	2,707,660	0	TRUNG TÍNH	2,052	15.7	1.1	73
VPI	55.9	637,420	0	TRUNG TÍNH	13,528	24.5	3.8	36
FLC	3.57	8,630,840	-2	TRUNG TÍNH	#VALUE!	#N/A N/A	#N/A N/A	31
NKG	15.45	11,359,515	-4	TIÊU CỰC	4,068	#N/A N/A	0.8	176
VNM	74.5	1,392,660	-4	TIÊU CỰC	155,702	20.5	5.2	104
PNJ	77.3	378,635	-4	TIÊU CỰC	25,354	13.5	3.0	29
BID	45.5	761,665	-5	TIÊU CỰC	230,163	12.7	2.3	35
SAB	176.5	168,515	-5	TIÊU CỰC	113,186	22.2	4.9	30

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

**BOJ có thể kết thúc chính sách kiểm soát đường cong lợi suất vào tháng 4**

Theo một cựu giám đốc điều hành phụ trách chính sách tiền tệ của Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BOJ), sự sụt giảm gần đây của lợi suất trái phiếu toàn cầu đã tạo điều kiện thuận lợi cho ngân hàng trung ương hủy bỏ chương trình kiểm soát đường cong lợi suất trong tháng này. “Điều này có khả năng xảy ra vào tháng 4 nếu xem xét các tình huống hiện tại một cách khách quan. Lợi suất dài hạn sẽ không tăng đột ngột ngay cả khi chính sách kiểm soát đường cong lợi suất bị hủy bỏ miễn là thị trường tiếp tục có ít động lực để đạt được lợi suất cao hơn”, ông Kazuo Momma, cựu Trưởng bộ phận chính sách tiền tệ BOJ, chuyên gia kinh tế điều hành tại Mizuho Research & Technologies cho biết trong một cuộc phỏng vấn hôm thứ Ba (4/4). Các nhận xét cho thấy cuộc họp chính sách đầu tiên của Thống đốc BOJ mới Kazuo Ueda có thể dẫn đến những thay đổi bất ngờ khi ông kế thừa kế hoạch nới lỏng tiền tệ kéo dài một thập kỷ do thống đốc Haruhiko Kuroda duy trì. Ông Momma cho biết, bất kỳ thay đổi nào đối với chính sách kiểm soát đường cong lợi suất đều phải diễn ra mà không có cảnh báo trước. Ngoài ra, ông không loại trừ khả năng BOJ sẽ quyết định giữ nguyên chương trình kiểm soát đường cong lợi suất tại cuộc họp ngày 27/4 và 28/4. Một số nhà kinh tế cho rằng, Thống đốc BOJ mới Kazuo Ueda (sẽ đảm nhận chức thống đốc vào ngày 9/4), khó có thể thay đổi chính sách tiền tệ trong tháng này sau khi thị trường tài chính toàn cầu rơi vào tình trạng căng thẳng do khủng hoảng ngân hàng ở Mỹ và châu Âu.

**Chỉ số PMI ngành sản xuất của Việt Nam giảm mạnh trong tháng 3, xuống 47,7 điểm**

Theo báo cáo Chỉ số Nhà Quản trị mua hàng (PMI) mới nhất của S&P Global, chỉ số PMI ngành sản xuất Việt Nam trong tháng 3/2023 giảm xuống còn 47,7 điểm từ mức 51,2 điểm hồi tháng 2. Trong đó, cả sản lượng, số lượng đơn đặt hàng mới và việc làm đều giảm, việc này là do nhu cầu của khách hàng giảm bởi khó khăn chung của nền kinh tế, tuy nhiên, nhu cầu giảm đã làm giảm áp lực lạm phát. Số liệu công bố của Tổng cục Thống kê cho biết, tăng trưởng GDP quý I/2023 của Việt Nam chỉ đạt 3,32% so với cùng kỳ, mức thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây. Trong đó, hoạt động sản xuất, kinh doanh, sản xuất công nghiệp, xuất khẩu, đầu tư, thu hút FDI... gặp nhiều khó khăn. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) quý I giảm 2,2% so với cùng kỳ năm trước (quý I/2022 tăng 6,8%), trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 2,4% (quý I/2022 tăng 7,3%). Lĩnh vực công nghiệp giảm 0,82% so với cùng kỳ năm trước, là mức giảm sâu nhất của cùng kỳ các năm trong giai đoạn 2011-2023. Điều này cũng lý giải phần nào cho lý do chỉ số PMI tháng 3 sụt giảm khi cả tổng số lượng đơn đặt hàng mới và số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới đều ghi nhận giảm. Trong đó, tổng số lượng đơn đặt hàng mới đã giảm lần thứ 4 trong vòng 5 tháng trở lại đây. Số lượng đơn đặt hàng mới từ nước ngoài cũng ghi nhận giảm lần đầu tiên kể từ đầu năm. Chỉ duy nhất lĩnh vực dịch vụ là điểm sáng trong bức tranh kinh tế của Việt Nam trong quý I, với giá trị tăng thêm của ngành này tăng 6,79% so với cùng kỳ.

**POW: đặt mục tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2023 giảm 56%**

Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP (PV Power – mã POW) vừa công bố báo cáo thường niên năm 2022 hé lộ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm nay. Năm 2023, PV Power đặt mục tiêu sản xuất 15,6 tỷ kWh, tăng 10% so với năm 2022. Nộp ngân sách Nhà nước 879 tỷ đồng. Chỉ tiêu doanh thu toàn Tổng công ty đạt 30.332 tỷ đồng, tăng 7% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế dự kiến giảm 56% xuống mức 1.118 tỷ đồng. Nộp ngân sách Nhà nước 879 tỷ đồng. Năm 2022 vừa qua, PV Power ghi nhận tổng doanh thu và thu nhập đạt 28.790 tỷ đồng, tăng 14% so với cùng kỳ, trong đó doanh thu thuần đạt 28.224 tỷ đồng, tăng 15% so với năm 2021. Tổng chi chí tăng chậm hơn với 13% lên mức 25.980 tỷ đồng. Kết quả, PV Power lãi ròng 2.553 tỷ đồng, tăng 24% so với năm 2021 trước đó. Theo giải trình, doanh thu và giá vốn năm 2022 đều tăng do sản lượng điện huy động tại các nhà máy điện tăng đáng kể. Đồng thời trong năm ngoài PV Power ghi nhận doanh thu từ chênh lệch tỷ giá của hợp đồng mua bán điện tại các nhà máy điện Vũng Áng 1, Nhơn Trạch 2 và Đakdrinh cho giai đoạn 2015-2019 với 1.131 tỷ đồng. Bên cạnh đó các nhà máy thủy điện Đakdrinh và Hủa Na trong năm qua gặp điều kiện thủy văn thuận lợi giúp sản lượng điện huy động nhiều giúp doanh thu tăng nhưng giá vốn chỉ tăng nhẹ.

### **IJC: tăng hơn gấp đôi vốn đầu tư dự án Khu nhà ở Sunflower II, lên 3.000 tỷ đồng**

CTCP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (Becamex IJC, mã IJC - sàn HOSE) tăng vốn đầu tư dự án Khu nhà ở Sunflower II (mở rộng) và đồng thời giảm quy mô dân số dự kiến của dự án. Becamex IJC công bố bổ sung tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, đại hội dự kiến tổ chức ngày 7/4 tại Bình Dương. Cụ thể, tại dự án Khu nhà ở Sunflower II (mở rộng), Becamex IJC tăng diện tích sử dụng đất từ 58.693,2m<sup>2</sup> lên 100.724m<sup>2</sup>; quy mô dự án 109 căn biệt thự và 2.352 căn hộ chung cư giảm còn 1 căn nhà quản lý, 94 căn biệt thự và 1.344 căn hộ chung cư; quy mô dân số giảm từ 5.773 người xuống còn 3.222 người. Đặc biệt, tổng vốn đầu tư tăng từ 1.457 tỷ đồng lên 3.000 tỷ đồng, tức tăng 106% so với vốn dự kiến ban đầu được phê duyệt năm 2015. Công ty dự kiến sử dụng 600 tỷ đồng vốn chủ sở hữu và 2.400 tỷ đồng vốn huy động để đầu tư dự án. Được biết, dự án Khu nhà ở Sunflower II (mở rộng) có diện tích 100.724 m<sup>2</sup> (52.738,3 m<sup>2</sup> đất xây dựng công trình), tọa lạc tại Khu N4-N6, Khu đô thị mới, phường Hoà Phú, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương. Dự án đã được UBND tỉnh Bình Dương chấp thuận chủ trương đầu tư năm 2015, công nhận Becamex IJC làm chủ đầu tư. Tính tới thời điểm hiện tại, dự án Khu nhà ở Sunflower II (mở rộng) đã hoàn thành đầu tư cơ sở hạ tầng lô N6 và đang triển khai thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công công trình nhà biệt thự và chung cư.

### **NBB hủy kế hoạch trả cổ tức năm 2022 và thực hiện huy động 751,2 tỷ đồng từ cổ đông**

Năm Bảy Bảy vừa công bố tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, đại hội dự kiến tổ chức ngày 25/4 tại TP. HCM. Trong năm 2023, Năm Bảy Bảy đặt kế hoạch kinh doanh với doanh thu 800 tỷ đồng, tăng 71,7% so với cùng kỳ và lợi nhuận sau thuế dự kiến 20,5 tỷ đồng, tăng 241,7% so với thực hiện trong năm 2022. Được biết, trong năm 2022, Năm Bảy Bảy cũng đặt kế hoạch kinh doanh tham vọng với doanh thu 800 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế là 102 tỷ đồng nhưng cuối năm, kết quả kinh doanh lao dốc, Công ty lần lượt ghi nhận doanh thu giảm 17,5%, về 466,36 tỷ đồng và hoàn thành 58% kế hoạch doanh thu; lợi nhuận giảm 98,1%, về chỉ 6 tỷ



đồng và hoàn thành 6% kế hoạch lợi nhuận năm. Về định hướng kinh doanh, năm 2023, Năm Bảy Bảy dự kiến đảm bảo tiến độ thi công đối với các dự án trọng điểm như dự án Khu dân cư Sơn Tịnh. Đồng thời, triển khai đầu tư xây dựng các dự án mới như NBB II, NBB Garden III và Khu nghỉ dưỡng cao cấp kết hợp khu dân cư De Lagi. Về kế hoạch cổ tức, năm 2022, Năm Bảy Bảy dự kiến trả cổ tức 15% và bước sang năm 2023, Công ty dự kiến sẽ không trả cổ tức cho cổ đông. Tuy nhiên, Công ty bất ngờ trình cổ đông chủ trương hủy chi trả cổ tức 15% của năm 2022 với lý do từ đầu năm 2022 đến nay, các ngân hàng siết chặt tín dụng dẫn đến hoạt động kinh doanh bất động sản của Năm Bảy Bảy gặp nhiều khó khăn trong việc bán hàng và huy động vốn. Vì vậy, Năm Bảy Bảy cần ưu tiên dòng tiền để chi cho hoạt động sản xuất kinh doanh tại các dự án, nên không thể thu xếp được nguồn tài chính để chi trả cổ tức

### **HPX chậm trả lãi lô trái phiếu mệnh giá 450 tỷ đồng**

Cụ thể, Đầu tư Hải Phát cho biết ngày 24/3 là kỳ tính lãi thứ 5 của mã trái phiếu HPXH2123011 cho 31 trái chủ. Tuy nhiên, tới hạn thanh toán, Công ty vẫn chưa thanh toán cho trái chủ. Đầu tư Hải Phát lý giải do thị trường bất động sản gặp khó trong bối cảnh nguồn tín dụng cho bất động sản bị siết chặt, thanh khoản giảm làm ảnh hưởng đến dòng tiền thu từ các dự án của Đầu tư Hải Phát nên đến ngày thanh toán lãi, Công ty chưa thể thu xếp đủ số tiền lãi nêu trên. Công ty cho biết đã làm việc và thống nhất với các trái chủ về việc đã thanh toán đúng hạn tiền lãi cho 29/31 trái chủ; đối với 2 trái chủ còn lại, hai bên thống nhất về việc thanh toán đầy đủ tiền lãi trước ngày 31/3. Theo tìm hiểu, trái phiếu mã HPXH2123011 được phát hành ngày 24/12/2021, kỳ hạn 24 tháng (đáo hạn 24/12/2023) với mệnh giá 450 tỷ đồng và lãi suất 10%/năm. Tính tới 31/12/2022, Đầu tư Hải Phát đang sở hữu 166,6 tỷ đồng tiền mặt, chiếm 1,8% tổng tài sản. Ngược lại, Công ty đang sử dụng 3.317,9 tỷ đồng nợ vay, chiếm 35,7% tổng nguồn vốn (nợ vay ngắn hạn là 1.298,4 tỷ đồng và nợ vay dài hạn là 2.019,5 tỷ đồng). Ở một diễn biến đáng chú ý, Đầu tư Hải Phát vừa gửi thông tin lên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM xin gia hạn Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 chậm nhất đến ngày 20/5/2023.

### **CTD) đạt kế hoạch lợi nhuận năm 2023 tăng 11 lần so với cùng kỳ**

Việc thay đổi năm tài chính kéo theo những thay đổi đáng chú ý khi năm tài chính 2023 của CTD chỉ kéo dài 6 tháng đến hết 30/6/2023. Điều này có thể khiến một số nhà đầu tư nếu không lưu tâm sẽ có lo lắng cho tiềm năng tăng trưởng của CTD với những chỉ tiêu kế hoạch tương như còn khiêm tốn khi chỉ nhìn vào con số tuyệt đối. Song thực tế, kế hoạch doanh thu năm tài chính 2023 của Cotecons là 7.644 tỷ đồng, tăng 144% so với thực hiện cùng kỳ (6 tháng đầu năm 2022), lợi nhuận sau thuế 44 tỷ đồng, tăng 880% so với cùng kỳ. Theo đánh giá của HĐQT CTD, doanh nghiệp đã thành công trong việc cảnh báo cho toàn hệ thống về những rủi ro tiềm ẩn trên thị trường, 16 dự án có tổng giá trị nợ rất lớn đến từ mô hình tổ chức, quản lý cũ để lại đã từng bước xử lý được xử lý. Do đó, giá trị các khoản trích lập dự phòng của năm 2023 sẽ giảm. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng đưa ra bảng kế hoạch các chỉ tiêu kế hoạch đủ 12 tháng của năm 2023: Nửa cuối năm 2023, chỉ tiêu và lợi nhuận sau thuế của CTD lần lượt 8.605 tỷ đồng và 189 tỷ đồng. Kế hoạch cả năm, doanh thu đạt 16.249 tỷ đồng, tăng trưởng 12% so với 2022. Lợi nhuận sau thuế đạt 233 tỷ đồng, tăng trưởng 11 lần, tương đương 1.109% so với 2022. Đây được đánh

giá là những chỉ tiêu tăng trưởng rất tham vọng khi tiếp tục đánh dấu năm thứ 2 liên tiếp cho thấy sự trở lại của Coteccons. Theo lãnh đạo CTD, Công ty là doanh nghiệp xây dựng đi đầu xu hướng dịch chuyển sang xây dựng nhà xưởng khu công nghiệp để đón đầu làn sóng FDI ngày một gia tăng vào Việt Nam. Giá trị back-log để lại cho 2023 của CTD là 17.000 tỷ đồng, chưa bao gồm Nhà máy sản xuất LEGO và kỳ vọng trúng thầu các dự án đầu tư công như siêu dự án sân bay Long Thành, do đó dự địa để Công ty tiếp tục cải thiện doanh thu và lợi nhuận là rất lớn.

#### **DGC: chốt quyền chia thêm cổ tức 10% bằng tiền**

Ngày 14/4 tới đây, CTCP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (DGC – sàn HOSE) sẽ chốt danh sách cổ đông trả cổ tức còn lại năm 2022 bằng tiền với tỷ lệ 10%, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được nhận 1.000 đồng. Như vậy, với khối lượng chứng khoán đang lưu hành gần 380 triệu cổ phiếu, Hóa chất Đức Giang sẽ phải chi tương ứng khoảng 380 tỷ đồng để chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu. Thời gian thanh toán cổ tức dự kiến từ ngày 27/4/2023. Trước đó, vào đầu tháng 1/2023, Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2022 bằng tiền với tỷ lệ 30%. Qua đó, tổng mức chia cổ tức năm 2022 là 40% bằng tiền, cao hơn kế hoạch đã thông qua tại ĐHCĐ thường niên năm 2022. Đây chính là nội dung đáng chú ý vừa được ĐHCĐ thường niên 2023 Hóa chất Đức Giang thông qua sau kiến nghị của cổ đông. Cụ thể, với khoản tiền mặt còn gần 9.000 tỷ đồng, tại đại hội diễn ra ngày 29/3, cổ đông đã đề xuất chia thêm cổ tức 10%, nâng tổng tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2022 lên 40%. Đại hội cũng đã thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2023 với chỉ tiêu doanh thu hợp nhất dự kiến 10.875 tỷ đồng, trong đó doanh thu phốt pho vàng (P4 - sản phẩm chính Công ty) khoảng 4.600 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế 3.000 tỷ đồng. Cổ tức dự kiến theo tờ trình là 30% nhưng chưa chốt tiền mặt hay cổ phiếu vì còn tùy thuộc vào nhu cầu vốn đầu tư thực tế năm 2023.

#### **SHB: Mục tiêu lợi nhuận 2023 tăng 6-10%, vốn điều lệ tăng lên 36,645 tỷ đồng**

Phương án 1 đề ra dựa trên hạn mức tăng trưởng tín dụng 10% (429,880 tỷ đồng). SHB đặt mục tiêu đến cuối năm 2023 tổng tài sản tăng 8.93% lên 600,106 tỷ đồng. Nguồn vốn huy động thị trường 1 tăng 12.05% lên 456,180 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế tăng 6.15% lên mức 10,285 tỷ đồng. Phương án 2 được đề ra trên hạn mức tăng trưởng tín dụng 14%. (445,126 tỷ đồng). Với hạn mức này SHB đặt kế hoạch đến cuối năm 2023, tổng tài sản tăng trưởng 10.09% lên mức 606,500 tỷ đồng. Huy động vốn thị trường 1 tăng 14.78% lên mức 467,291 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế cho cả năm cũng đặt ra cao hơn với 10,626 tỷ đồng, tăng 9.67%. Vốn điều lệ mục tiêu lên mức 36,645 tỷ đồng, tương đương tăng 19.47% cho cả 2 phương án.

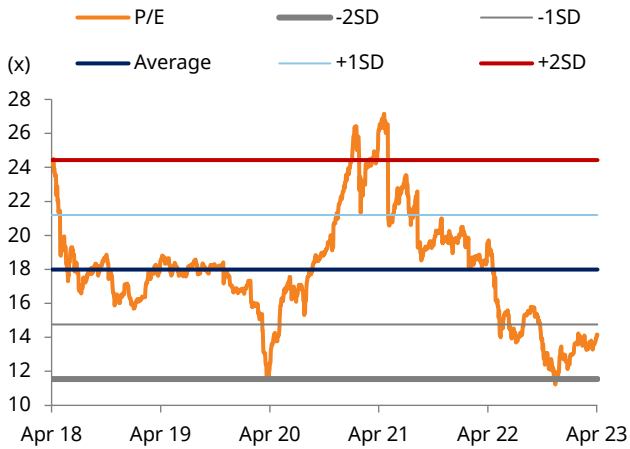
#### **ABB: Mục tiêu lãi trước thuế 2023 tăng 68%**

ABBank đặt mục tiêu đến cuối năm 2023, quy mô tổng tài sản tăng trưởng 5% so với đầu năm, đạt 136,816 tỷ đồng. Huy động thị trường 1 tăng 2% (93,508 tỷ đồng). Tăng trưởng tín dụng mục tiêu 10%, bao gồm dư nợ cho vay tổ chức kinh tế và cá nhân, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, tương đương đạt 97,382 tỷ đồng. Chỉ tiêu này sẽ được thay đổi từng thời kỳ theo sự cho phép của Ngân hàng Nhà nước (NHNN). Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 3%. Lợi nhuận trước thuế ABBank đề ra cho cả năm 2023 là 2,826 tỷ đồng, tăng 68% so với năm 2022. Điểm lại kết quả kinh doanh năm 2022, trong năm, ABBank trích ra gần 777 tỷ đồng để dự phòng rủi ro tín dụng,

do đó Ngân hàng chỉ thu về hơn 1,702 tỷ đồng lãi trước thuế, giảm 13% so với năm trước. So với kế hoạch 3,079 tỷ đồng lãi trước thuế đặt ra cho cả năm 2022, ABBank chỉ thực hiện được 55% mục tiêu. Tính đến 31/12/2022, tổng tài sản của ABBank tăng 8% so với đầu năm, lên mức 130,161 tỷ đồng. Cho vay khách hàng tăng 19% (82,010 tỷ đồng), tiền gửi khách hàng tăng đến 24% (84,124 tỷ đồng). Tỷ lệ nợ xấu trên dư nợ vay tăng là 2.88%.

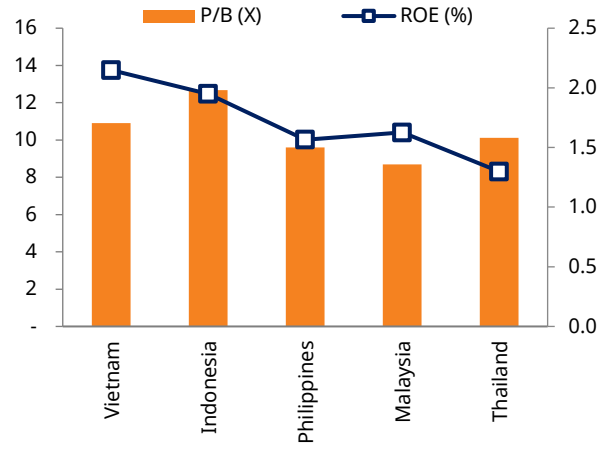
# Bản tin thị trường **Chỉ báo tham khảo**

**Biểu đồ định giá P/E lịch sử của VN Index**



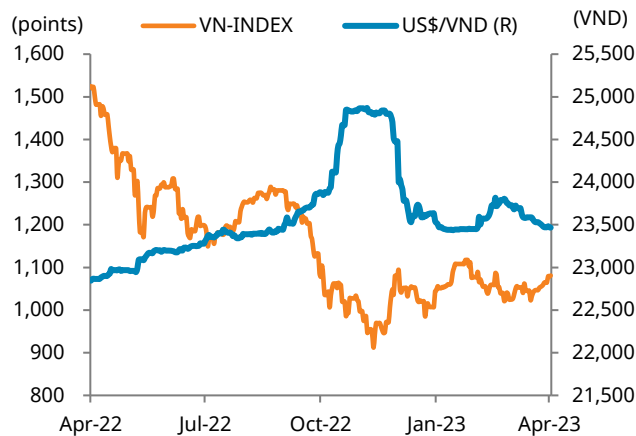
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ định giá P/E và ROE các thị trường**



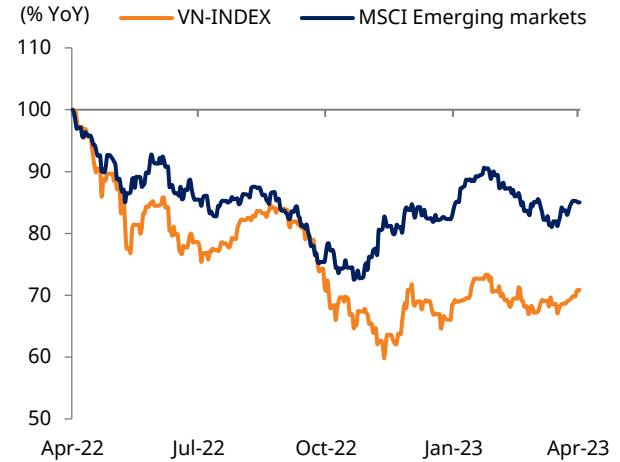
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ VN-Index và tỷ giá USD/VND**



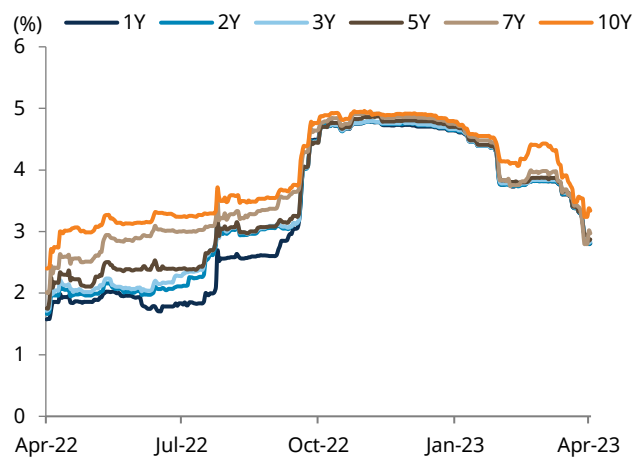
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ VN Index và MSCI Emerging Markets**



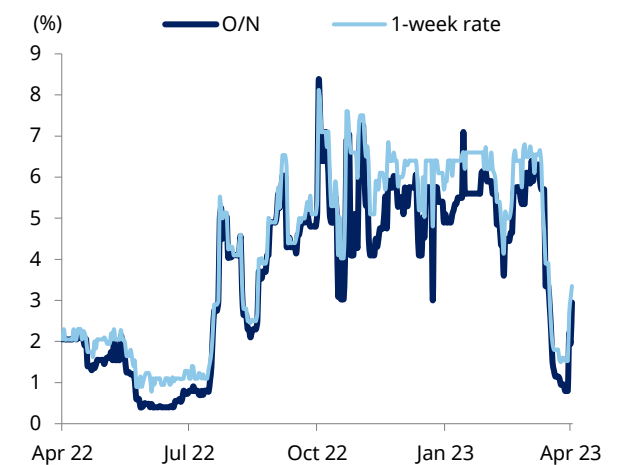
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ lợi suất trái phiếu chính phủ**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ lãi suất liên ngân hàng**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

## Bảng chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Vốn hóa (VND bn)	Giá (VND)			Biến động giá (%)				Định giá (TTM)			Sở hữu khối ngoại	
			Đóng cửa	52W cao	52W thấp	1D	1W	1M	1Y	P/E	P/B	ROE (%)	Gần nhất (%)	Còn lại (%)
<b>VN-Index</b>		<b>4,302,539</b>	<b>1,080.86</b>	<b>1,527.57</b>	<b>873.78</b>	<b>0.2</b>	<b>2.3</b>	<b>5.5</b>	<b>-28.9</b>	<b>14.2</b>	<b>1.7</b>	<b>13.8</b>		
<b>VN30 Index</b>		<b>3,147,598</b>	<b>1,089.83</b>	<b>1,566.09</b>	<b>863.31</b>	<b>0.1</b>	<b>2.7</b>	<b>7.5</b>	<b>-29.2</b>	<b>11.1</b>	<b>1.7</b>	<b>16.5</b>		
Asia Commercial JS Bank	ACB VN	85,449	25,300	27,320	17,450	0.6	3.7	3.3	-4.2	6.2	1.5	26.5	30.0	0.0
BIDV	BID VN	230,163	45,500	48,000	28,000	-1.1	-1.5	-0.9	5.1	12.7	2.3	19.9	17.3	12.7
VietinBank	CTG VN	144,173	30,000	33,000	19,500	1.2	3.4	7.9	-7.3	8.6	1.3	16.7	28.1	1.9
HDBank	HDB VN	49,551	19,700	23,600	13,050	2.9	8.8	10.7	-14.3	6.4	1.3	23.5	18.9	1.2
MBBank	MBB VN	85,239	18,800	28,667	13,200	0.3	2.7	9.6	-30.9	4.9	1.1	25.8	23.2	0.0
Sacombank	STB VN	49,487	26,250	32,900	14,050	-2.4	3.6	5.0	-17.5	9.8	1.3	13.8	28.4	1.6
Techcombank	TCB VN	103,759	29,500	50,300	19,300	0.0	5.4	10.1	-39.9	5.1	0.9	19.7	22.5	0.0
Tien Phong Bank	TPB VN	35,906	22,700	41,700	18,300	0.4	3.7	-3.0	-44.4	5.7	1.1	21.5	30.0	0.0
Vietcombank	VCB VN	435,865	92,100	96,300	62,000	0.1	-0.2	1.3	11.0	14.6	3.2	24.4	23.5	6.5
Vietnam International CJS Bank	VIB VN	46,263	21,950	35,852	16,200	-0.7	3.3	6.3	-36.8	5.5	1.4	29.4	20.5	0.0
VPBank	VPB VN	142,320	21,200	27,367	13,650	-0.9	1.4	24.7	-17.0	7.8	1.5	20.7	17.6	0.1
SSI Securities Corp	SSI VN	33,731	22,500	42,671	13,050	0.0	6.9	22.0	-46.0	15.5	1.5	9.3	44.3	55.2
Bao Viet Holdings	BVH VN	36,411	49,050	70,000	41,200	-0.3	1.6	1.2	-23.1	23.5	1.8	7.5	27.4	21.6
BECAMEX IDC Corp	BCM VN	84,042	81,200	101,800	58,200	-1.0	-1.2	-2.8	9.3	59.9	5.0	10.2	2.8	46.2
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	25,059	12,850	88,300	10,050	0.8	2.4	24.2	-85.3	11.0	0.7	6.2	6.1	42.9
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	9,000	13,400	68,819	9,940	1.9	8.1	27.6	-80.4	7.8	1.1	15.0	3.0	46.0
Vinhomes JSC	VHM VN	227,298	52,200	77,500	39,400	2.4	8.8	27.5	-31.7	7.9	1.6	21.4	24.2	25.8
Vingroup JSC	VIC VN	211,673	55,500	83,100	49,700	-2.3	3.7	5.3	-32.6	23.4	1.9	8.4	12.8	36.0
Vincom Retail JSC	VRE VN	66,920	29,450	34,200	21,400	0.0	0.7	13.3	-12.5	24.1	2.0	8.7	32.9	17.3
Mobile World Investment Corp	MWG VN	58,169	39,750	81,400	35,250	-0.1	2.7	0.9	-48.8	14.0	2.4	18.5	49.0	0.0
Masan Group Corp	MSN VN	111,620	78,400	130,000	69,100	0.0	-0.5	3.2	-37.9	31.2	4.3	12.1	30.5	18.5
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	113,186	176,500	203,000	149,000	-0.8	-4.8	-5.6	6.2	22.2	4.9	23.6	62.6	37.4
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	155,702	74,500	85,600	64,500	0.4	-0.5	-2.0	-7.3	20.5	5.2	24.1	55.8	44.2
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	48,346	38,050	57,400	22,950	0.3	5.7	-1.9	-32.2	32.9	2.0	6.0	17.7	2.7
Vietnam Rubber Group	GVR VN	64,800	16,200	37,800	9,300	1.6	9.8	14.9	-55.5	16.9	1.3	7.9	0.5	12.5
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	125,018	21,500	36,885	11,800	1.9	3.4	5.7	-39.4	14.7	1.3	9.1	23.4	25.6
FPT Corp	FPT VN	88,420	80,600	99,083	61,300	0.1	2.0	2.7	-11.3	16.6	4.2	27.2	49.0	0.0
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	55,732	102,900	144,300	94,000	0.9	-3.1	1.7	-27.3	N/A	3.9	-14.0	17.5	12.5
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	195,032	101,900	134,000	92,600	0.0	-0.9	-2.5	-10.8	13.3	3.3	26.7	3.0	46.0
PetroVietnam Power Corp	POW VN	31,498	13,450	16,950	8,910	-0.4	0.7	8.9	-17.7	15.3	1.0	7.0	7.8	41.2

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research.

## KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vì phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.